**NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 8 TUẦN 13**

Tiết 49.50: **CÂU GHÉP** (tiếp theo)

**I. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu**

**1. Ví dụ:** sgk/123

a. Tôi càng nói nó càng ăn nhiều.

**-> Quan hệ tăng tuến.**

b. Nếu trời mưa thì tôi không đến.

**-> Quan hệ điều kiện/ giả thuyết.**

**c**. Tuy nhà nghèo lan vẫn học giỏi.

**-> Quan hệ tương phản.**

d. Đào không những học giỏi mà còn lao động giỏi.

**-> Quan hệ bổ sung.**

đ. Bạn hát hay tôi hát.

**-> Quan hệ lựa chọn.**

e. Tôi uống trà sữa rồi tôi ăn chè.

**-> Quan hệ tiếp nối.**

f. Vì trời mưa nơi tôi đến trễ.

**-> Quan hệ nguyên nhân – kết quả**

g. Tôi vừa xem ti vi vừa làm bài tập.

**-> Quan hệ đồng thời.**

**2. Ghi nhớ:** SGK/ 123

**II. Luyện tập**

**Bài 1. Xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu:**

a. Quan hệ giải thích (Vế 3 giải thích cho vế 2; vế 2 và vế 3: giải thích cho vế 1.)

b. Quan hệ ĐK-KQ( vế 1:điều kiện; vế 2:kết quả)

c. Quan hệ tăng tiến : ý nghĩa của vế 2 tăng hơn so với vế 1

d. Quan hệ tương phản: vế 2 tương phản với vế1

e. Câu1: QH tiếp nối: HĐ ở vế 2 tiếp nối HĐ ở vế 1

 Câu 2: quan hệ NN-KQ (vế 1: NN; vế 2:KQ)

**Bài 2: Tìm câu ghép, xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu :**

**a. Có 4 câu ghép**:

- Trời xanh thẳm ... chắc nịch.

- Trời rải mây trắng ... dịu hơi sương.

- Trời âm u mây mưa... xám xịt, nặng nề.

- Trời ầm ầm .. giận dữ.

->cả 4 câu ghép đều có QH điều kiện - kết quả (vế 1 chỉ điều kiện, vế 2 chỉ kết quả).

**b. Có 2 câu ghép:**

- Buổi sớm, mặt trời lên ngang... trời mới quang.

- Buổi chiều, nắng vừa nhạt.... mặt biển .

-> các vế câu có quan hệ nguyên nhân, kết quả (vế 1 chỉ nguyên nhân, vế 2 chỉ kết quả)

**c. Không nên tách các vế câu đó** thành những câu đơn riêng vì chúng có quan hệ về ý nghĩa khác chặt chẽ và tinh tế

Tiết 51: **DẤU NGOẶC ĐƠN, DẤU HAI CHẤM**

**I. Dấu ngoặc đơn**

**1. Ví dụ:** sgk/ 134

**a. ->** Giải thích để làm rõ “họ” ngụ ý chỉ ai (những người bản xứ)

**b**.-> Thuyết minh một con kênh tên kênh ba Khía.

c. -> Bổ sung về thông tin năm sinh và mất của nhà thơ Lí Bạch

 **=>** Dấu ngoặc đơn dùng để đánh dấu phần chú thích (giải thích, thuyết minh, bổ sung thêm).

**2. Ghi nhớ:** SGK/ 143

**II. Dấu hai chấm**

**1. Ví dụ:** SGK/ 135

**a**. Báo trước lời thoại của nhân vật.

**b**. Báo trước một lời dẫn trực tiếp

**c**. Báo trước lời giải thích

**2. Ghi nhớ**: SGK/ 135

**II. Luyện tập**

**Bài 1. Giải thích công dụng của dấu ngoặc đơn**

**a**. Đánh dấu phần giải thích ý nghĩa của các cụm từ trong ngoặc kép: tiệt nhiên, định phận tại thiên thư, hành khan thủ bại hư.

**b**. Đánh dấu phần thuyết minh nhằm giúp người đọc hiểu rõ về chiều dài của cầu: trong 2.290m chiều dài của cầu có tính cả phần cầu dẫn.

**c**. Dấu ngoặc đơn được dùng ở hai chỗ.

+ Vị trí thứ nhất : đánh dấu phần bổ sung. Phần này có quan hệ lựa chọn với phần được chú thích (có phần này thì không có phần kia).

+ Vị trí thứ hai: đánh dấu phần thuyết minh để làm rõ những phương tiện ngôn ngữ ở đây là gì.

**Bài 2: Công dụng cảu dấu hai chấm**

**a**. Đánh dấu (báo trước) phần giải thích cho ý: họ thách nặng quá

**b**. Đánh dấu (báo trước) lời đối thoại (của Dế Choắt nói với Dế Mèn) và phần thuyết minh nội dung mà Dế Choắt khuyên Dế Mèn .

**c**. Đánh dấu (báo trước) phần thuyết minh cho ý : đủ màu là những màu nào

**Bài 3:** Có thể bỏ dấu hai chấm trong đoạn trích nhưng nghĩa của phần đặt sau dấu hai chấm không được nhấn mạnh

->Tác giả dùng dấu hai chấm nhằm mục đích giải thích, nhấn mạnh.

TIẾT 52: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

**CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG PHẦN VĂN**

**PHIẾU TỰ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **CÂU HỎI SOẠN BÀI** | **NỘI DUNG** |
| H:Văn bản nhật dụng ở lớp 8 đề cập một số vấn đề nào? | Văn bản nhật dụng ở lớp 8 đề cập một số vấn đề:................................................................................................................................................................................................................................................. |
| H: Hãy viết bài văn nêu thực trạng, tác hại, giải pháp sử dụng bao ni lông của người tiêu dùng. | ................................................................................................................................................................................................................................................. |